

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98/2025/DS-PT

Ngày: 23-4-2025

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Châu; Ông Nguyễn Phước Hưng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Hồng Đình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Bà Nguyễn Mỹ Duyên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025, về việc: “**Tranh chấp quyền sử dụng đất**”.

Do, Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2025/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

1.2. Ông Nguyễn Chí H, sinh năm 1987 (Có mặt)

Nơi cư trú: Số A, tổ F, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

+ **Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Chí D:** Ông Nguyễn Chí H sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số A, tổ F, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang theo Giấy ủy quyền được Văn phòng C3, công chứng số: 05988, quyền số 08/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/8/2024 và ông Trần Minh N, sinh năm 1999; Địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ liên lạc: Số B, L, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy ủy quyền được Văn phòng C4, công chứng số 6179, quyền số 01/2024/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/9/2024 (Có mặt)

+ *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Chí D và ông Nguyễn Chí H: Luật sư Võ Tấn T – Văn phòng luật sư Võ Tấn T, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ văn phòng: Số B, L, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)*

2. Bị đơn: Ông Đặng Thanh T1 sinh năm 1967

Nơi cư trú: Số A, tổ F, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đặng Thanh V, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Số C, tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

3.2. Ông Đặng Thanh H1, sinh năm 1970 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ F, khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

3.3. Ông Hồ Thanh T2, sinh năm 1973 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Số E, tổ G, khóm P, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn ông Nguyễn Chí H; ông Đặng Thanh T1 là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn trình bày:*

Cha mẹ của các ông là ông Nguyễn Chí C và bà Đinh Thị B (hiện đều đã mất) có diện tích đất thổ cư khoảng 200m² (thuộc thửa 151, tờ bản đồ số 43) tại khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang. Phần đất có hướng Bắc giáp với Tỉnh lộ 954 (nay là đường C), hướng Đông giáp với nhà dân, hướng Nam giáp với sông, hướng Tây giáp với đất của bà Bùi Ngọc Á. Phần đất này có nguồn gốc do cha mẹ ông được ông bà nội cho từ khoảng đầu những năm 1975, không làm giấy tờ. Bà Đinh Thị B và ông Nguyễn Chí C cũng không có giấy tờ nhà nước cấp đối với đất nêu trên nhưng việc sử dụng đất của bà B và ông C được mọi người lân cận thừa nhận thông qua Tờ thỏa thuận ngày 26/10/2016 lập giữa ông Đặng Thanh V (con của bà Nguyễn Thị C1) đã cùng cha các ông (ông Nguyễn Chí C).

Vào năm 1989, cha các ông có thỏa thuận hoán đổi đất với cô các ông là bà Nguyễn Thị C1 (đã mất), cụ thể là bà C1 sẽ đưa 900m² đất (rẫy) tại xã T cho cha các ông để lấy 900m² đất hỗn hợp (thổ cư, cây lâu năm, ao) ở khóm T, thị trấn P. Việc hoán đổi 900m² đất này không liên quan đến 200m² đất thổ cư cặp bờ sông được nêu ở trên.

Tuy nhiên, thời gian sau đó giữa hai bên có phát sinh nhiều việc tranh chấp liên quan đến việc hoán đổi 900m² đất.

Vào năm 2001, cha mẹ các ông có cho ông Hồ Thanh T2 (em vợ của ông Đặng Thanh T1, ông T1 là con của bà Nguyễn Thị C1) cất nhà ở nhờ trên phần đất cặp bờ sông. Đến năm 2007, ông T2 dỡ nhà trả đất cho gia đình các ông, hiện tại vẫn còn những cây nông đá và tường bao tại vị trí đã cất nhà.

Vào năm 2016, ông Đặng Thanh V (con của bà C1) đã cùng cha các ông lập tờ thỏa thuận ngày 26/10/2016 với nội dung cha các ông giao cho ông V diện tích đất ngang 10m trong diện tích đất thổ cư khoảng 200m² cặp bờ sông được nêu ở trên. Đồng thời, ông V cam kết bồi thường đất bờ hằm bị sạt lở của gia đình các ông mà do ông V gây ra (khối lượng bờ hằm bị sạt lở này có liên quan đến 900m² đất hoán đổi). Thời điểm làm tờ thỏa thuận, mẹ các ông không được thông báo hay được biết gì về thỏa thuận và địa điểm làm tờ thỏa thuận cách xa nhà các ông, ba ông làm tờ thỏa thuận trong lúc cơ thể không tỉnh táo. Mẹ các ông đã mang bệnh nặng trong người và phải thường xuyên đi S khám chữa bệnh, mặt khác ba các ông cũng bệnh (thần kinh không ổn định). Vì vậy sau khi mẹ ông đi điều trị bệnh về phát hiện nội dung Tờ thỏa thuận ngày 26/10/2016 nêu trên nên mẹ các ông không đồng ý và gia đình các ông cũng không đồng ý thực hiện thỏa thuận trên. Mặc dù Ủy ban nhân dân thị trấn P đã tổ chức hòa giải tranh chấp giữa gia đình các ông với ông V nhưng kết quả hòa giải không thành.

Vào ngày 31/10/2022, ông Đặng Thanh T1 trồng trụ đá, kéo lưới B40, trồng chuối, trồng sù lần chiếm của gia đình ông phần đất diện tích khoảng 100m² (trong phần đất khoảng 200m² cặp bờ sông nêu trên). Các ông cản trở không được nên đã có đơn tranh chấp gửi đến Ủy ban nhân dân thị trấn P, Ủy ban nhân dân thị trấn P đã hòa giải không thành. Cho đến thời điểm hiện tại, trụ đá đã được ông T1 thay bằng trụ bê tông và trồng bổ sung thêm cây vào phần đất đang tranh chấp bất chấp sự phản đối của gia đình các ông. Trên đất hiện nay chỉ trồng cây chuối, cây sù (khoảng 30 cây các loại) và hoa mười giờ, 20 cây nông đá và tường bao (dài khoảng 10m). Không có nhà của ai đang ở trên đất. Phần đất này ngày 19/9/2023 vừa qua phía ông Đặng Thanh T1 có yêu cầu đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông đã có đơn ngăn chặn.

Bà Đinh Thị B và ông Nguyễn Chí C có những người thừa kế theo quy định của pháp luật theo Tờ cam kết không bỏ sót thừa kế kèm theo đơn này. Cha mẹ các ông chết không để lại di chúc nên các ông thay cha mẹ tranh chấp tiếp tục đối với diện tích đất này.

Bà Nguyễn Thị C1 đã mất và hiện có những người thừa kế theo quy định của pháp luật là các con gồm: Đặng Thanh V, Đặng Thanh T1 và Đặng Thanh H1.

Nay chúng tôi yêu cầu tòa án xem xét giải quyết buộc ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh V và ông Hồ Thanh T2 tháo dỡ trụ bê tông, hàng rào lưới B40, di dời các cây chuối, cây sù (khoảng 30 cây các loại) và hoa mười giờ, di dời khoảng 20 cây nông đá và tường bao (dài khoảng 10m) để trả lại cho các ông phần đất diện tích khoảng 100m² (ngang khoảng 12m, dài khoảng từ 9m đến 9,4m) nêu trên tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang

Đối với yêu cầu phản tố của ông Đặng Thanh T1 về việc yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Đặng Thanh T1 được quyền sử dụng diện tích đất 90,2m² tại các điểm 9, 10, 16, 12 theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện P lập ngày 28/6/2024. Đất tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang các ông không đồng ý.

Bị đơn ông Đặng Thanh T1 do bà Đặng Ngọc M đại diện theo ủy quyền có ý kiến trình bày:

Mẹ ông là bà Nguyễn Thị C1, chết năm 2011, bà C1 có ba người con là Đặng Thanh V, Đặng Thanh T1 và Đặng Thanh H1. Ông Nguyễn Chí C là em ruột của bà C1.

Bà C1 được ông ngoại Nguyễn Văn T3 tặng cho 1.000m² đất tọa lạc tại xã T, huyện P, tỉnh An Giang. Ông C có diện tích đất 999.5m² đất tọa lạc tại khóm T, thị trấn P. Vào năm 1989, giữa bà C1 và ông C có thỏa thuận miệng với nhau về việc hoán đổi đất như sau:

Bà C1 giao diện tích đất 1.000m² tại T cho ông C sử dụng. ông C giao diện tích đất 999.5m² đất tọa lạc tại khóm T, thị trấn P cho bà C1 sử dụng đồng thời giao luôn diện tích đất ngang 10m tiếp giáp tỉnh lộ 954 và cấp mương nước cho bà C1 (hiện nay đang tranh chấp, đối diện với diện tích đất 999.5m²). Sau khi thỏa thuận (cũng trong năm 1989) bà C1 nhận đất nêu trên, do đất vườn tạp, trồng tre nên bà C1 và các con chặt tre để đào hầm nuôi cá, lấy đất làm nền nhà và quản lý sử dụng diện tích đất ngang 10m cấp đường lộ 954 (phần đất này có sẵn cây Dừa khoảng 5 năm tuổi do ông C trồng và ông C cũng giao cây Dừa cho bị đơn quản lý). Đến khoảng năm 1996 – 1997, bà C1 cất nhà cây.

Khoảng năm 2001, bà C1 kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa 39, còn diện tích đất ngang 10m chưa được cấp giấy.

Năm 2001, em vợ bị đơn là ông Hồ Thanh T2 gặp mẹ ông để xin ở nhờ trên đất ngang 10m, giáp tỉnh lộ 954, phía sau cấp mương nước. Được bà C1 đồng ý nên ông T2 xuống trụ và xây tường bó nền cất nhà cây để ở. Đến năm 2007, ông T2 được nhà nước cấp cho nền nhà tuyến dân cư P2 nên dời nhà về tuyến dân cư, còn phần tường bó nền và 16 trụ đá giao lại cho bị đơn sử dụng. Khoảng năm 2020 do lở bờ nên bị đơn đôn bỏ cây D1 do ông C trồng trước khi hoán đổi đất, khi chặt bỏ Dừa không ai ngăn cản. Khoảng 02 năm nay bị đơn trồng chuối, cây Sứ.

Do nền nhà và đất hầm hơn 999.5m² nên năm 2016 hai bên có tranh chấp, khi địa chính xã đến đo đạc và xác định lại ranh đất thì vào ngày 25/10/2016, ông C có làm Tờ Cam kết với nội dung “khi nào cháu Đặng Thanh V bồi thường diện tích đất vườn bị sạt lở xong. Thì tôi sẽ cho cháu V 10m ở mé sông và làm giấy tờ”. Tờ cam kết chỉ có ông C và ông V ký tên. Vào ngày 26/10/2016 anh V có cam kết có nội dung “Tôi Đặng Thanh V hứa trong thời gian 02 tháng kể từ ngày ông Nguyễn Chí C đồng ý xuống trụ ranh phần 10m chiều ngang cấp mương tiếp giáp với tỉnh lộ 954, tôi sẽ hoàn thành xong phần lở ở bờ hầm giáp với phần ranh

đất ông”.

Cùng trong ngày 26/10/2016 anh V mới mời Nguyễn Văn U' (đã chết khoảng 5-6 năm nay); ông Nguyễn Viết B1, ông Đặng Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh T4 và ông Nguyễn Văn K đến chứng kiến hai bên thỏa thuận và lập “Tờ thỏa thuận” đề ngày 26/10/2016

Với nội dung vào năm 1989 đôi bên đã đồng ý trao đổi quyền sử dụng đất và ông C yêu cầu các con của bà C1 (vì lúc này bà C1 đã chết) phải bồi thường phần đất bị lở bờ hẻm giáp với phần đất của ông C thì sẽ giao cho ông Đặng Thanh V diện tích đất 10m chiều ngang cặp mương nước, giáp tỉnh lộ 954.

Tờ thỏa thuận do ông Đặng Thanh V viết, lúc viết có mặt của ông C, ông Nguyễn Văn U' (đã chết khoảng 5-6 năm nay); ông Nguyễn Viết B1, tôi Đặng Thanh T1, bà Nguyễn Thị Thanh T4 và ông Nguyễn Văn K. Chữ ký tên của bên A là của ông C, còn chữ viết tên “Nguyễn Chí C” tại bên A dưới chữ ký ông C là do ông C viết hay ai viết ông T1 không nhớ rõ. Những người có mặt nêu trên đều ký tên chứng kiến.

Sau khi ký tờ thỏa thuận ngày 26/10/2016 khoảng 1-2 ngày sau hai bên thống nhất xuống trụ ranh đối với diện tích đất ngang 10m tiếp giáp tỉnh lộ 954, anh V thuê ông Nguyễn Văn P Anh đào đất xuống trụ ranh.

Đối với phần bồi thường sạt lở do hai bên không thống nhất giá bồi thường nên ông V mua cát lấp lại phần sạt lở cặp đất ông C. Người bán cát và bơm cát là ông Lê Văn P1. Sau đó ông V đại diện gia đình điều chỉnh biên động đối với diện tích đất bà C1 được cấp giấy. Và ông V cũng tiến hành kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ngang 10m giáp tỉnh lộ 954 (đất đang tranh chấp) nhưng con ông C là Nguyễn Chí H ngăn cản nên không thực hiện thủ tục cấp giấy được.

Không nhớ năm nào (khoảng năm 2016-2017) bà Bùi Ngọc Á kê khai cấp giấy đất phần của bà tiếp giáp đất đang tranh chấp, bị đơn là người ký giáp ranh cho bà Á. Sau năm 2017 bị đơn đã hai lần kê khai nhưng đều bị ngăn cản, đến năm 2023 bị đơn tiếp tục đăng ký kê khai, văn phòng đăng ký đất đã tiến hành đo đạc thì ông H và ông D khởi kiện.

Do đất đã được hoán đổi nên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Đặng Thanh T1 yêu cầu công nhận cho ông được quyền sử dụng diện tích đất 90,2m² tại các điểm 9, 10, 16, 12 theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện P lập ngày 28/6/2024. Đất tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:**

+ **Ông Đặng Thanh V trình bày:** Mẹ ông là bà Nguyễn Thị C1 chết năm 2011. Ông Nguyễn Chí C là em ruột của mẹ ông.

Mẹ ông được ông ngoại Nguyễn Văn T3 tặng cho 1.000m² đất tọa lạc tại xã

T, huyện P, tỉnh An Giang vào khoảng năm 1960-1962, mẹ ông có cất nhà trên đất bán tạp hóa. Đến khoảng năm 1970 cậu ông là ông Nguyễn Chí C đi lính nên ông ngoại kêu mẹ ông về sống chung với ông ngoại. Là căn nhà hiện nay ông C để lại cho Nguyễn Chí H đang ở. Ông C đi lính khoảng 2 năm trở về thì ông C ở chung với ông bà ngoại, mẹ ông và các anh em ông. Từ năm 1975, ông đi bộ đội. Năm 1982, ông trở về sống chung với ông bà ngoại. Năm 1978 ông ngoại chết, năm 1989 bà ngoại chết. Sau khi ông bà N1 chết mẹ ông vẫn sống chung nhà với ông C.

Trước khi bà ngoại mất, ông C kêu người bán diện tích đất cặp nhà ông ngoại. Do trên phần đất có ngôi mộ của ông ngoại. Mặt khác, diện tích đất ở T của mẹ ông thì ông C cho người khác thuê, ông C lấy tiền nên ông bàn bạc với mẹ hoán đổi đất với ông C. Thời gian hoán đổi là vào năm 1989, mẹ ông và ông C có thỏa thuận miệng với nhau về việc hoán đổi đất như sau:

Mẹ ông giao diện tích đất 1.000m² tại T cho ông C sử dụng. ông C giao diện tích đất vườn tạp tọa lạc tại khóm T, thị trấn P, cặp nhà ông C cho mẹ ông sử dụng, diện tích tính từ cặp mé ruộng ra tới mặt lộ và cả phần bên kia mặt lộ giáp nương nước (là đất hiện nay tranh chấp). Lý do có cả phần đất cặp lộ và giáp nương nước là vì khoảng thời gian 1989 việc lấy nước phục vụ sinh hoạt là từ nương nước lên, nên ông C giao luôn cho mẹ ông diện tích đất cặp nương nước để lấy nước sinh hoạt.

Sau khi thỏa thuận (cũng trong năm 1989) mẹ ông nhận đất nêu trên, do đất vườn tạp, trồng tre nên mẹ và anh em ông chặt tre để đào hầm nuôi cá, lấy đất làm nền nhà và quản lý sử dụng diện tích đất ngang 10m cặp đường lộ 954 (phần đất này có sẵn cây Dừa khoảng 5 năm tuổi do ông C trồng và ông C cũng giao cây Dừa cho mẹ quản lý). Đến khoảng 4-5 năm sau (tính từ năm 1989) mẹ và các em ông cất nhà cây. Mẹ con ông sử dụng phần đất cặp nương nước làm nơi lấy nước sinh hoạt.

Năm 2000, ông xin giữ rừng cho tỉnh đội ở xã T, huyện T, tỉnh An Giang, thỉnh thoảng ông trở về thăm nhà.

Khoảng năm 2001 mẹ ông kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mẹ ông tin tưởng ông C nên nhờ ông chỉ mốc ranh và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa 39, còn diện tích đất ngang 10m chưa được cấp giấy.

Năm 2001, ba của ông Hồ Thanh T2 (ông gọi là bác sui) gặp mẹ ông để xin ở nhờ trên đất ngang 10m, giáp tỉnh lộ 954, phía sau cặp bờ kênh. Được mẹ ông đồng ý nên ông T2 xuống trụ và xây tường bó nền cất nhà cây để ở. Đến năm 2009 ông T2 được nhà nước cấp cho nền nhà tuyến dân cư P2 nên dời nhà về tuyến dân cư. ông biết được sự việc này do ông nghe mẹ ông nói lại và ông cũng đồng ý.

Năm 2011, mẹ ông mất, nhà và đất do ông T1 quản lý. Năm 2016, ông C và anh em ông có tranh chấp, do ông C cho rằng anh em ông là cất nhà lấn qua đất của ông C. Khi địa chính xã đến đo đạc và xác định lại ranh đất thì vào ngày

25/10/2016, ông C có làm Tờ Cam kết với nội dung “khi nào cháu Đặng Thanh V bồi thường diện tích đất vườn bị sạt lở xong. Thì tôi sẽ cho cháu V 10m ở mé sông và làm giấy tờ”. Tờ cam kết chỉ có ông C và ông ký tên, ông C yêu cầu ông bồi thường 20 triệu đồng, ông hẹn với ông C 02 tháng sau (đợi cát lúa xong) sẽ bồi thường 20 triệu đồng cho ông C. Vào ngày 26/10/2016, ông có cam kết có nội dung “Tôi Đặng Thanh V hứa trong thời gian 02 tháng kể từ ngày ông Nguyễn Chí C đồng ý xuống trụ ranh phần 10m chiều ngang cấp mương tiếp giáp với tỉnh lộ 954, ông sẽ hoàn thành xong phần lở ở bờ hầm giáp với phần ranh đất ông”, lý do ông viết phần cam kết này là do ông muốn cho mâu thuẫn hai bên giải quyết cho xong. Nhưng do nhiều lần hai bên thương lượng, thỏa thuận nhưng không thực hiện được nên trong ngày 26/10/2016, ông mới viết lại “Tờ Thỏa thuận” đề ngày 26/10/2016 để ông C ký tên và dòng họ ký chứng kiến. Sau khi ông viết xong thì đưa cho ông C ký tại nhà ông C, chữ ký bên A là do ông C ký, còn tên Nguyễn Chí C là do ông viết. Ông C ký xong có kêu ông đưa cho mấy người ở xóm còn ký luôn (là nói mấy cậu ông là ông Nguyễn Văn U, bà Nguyễn Thị Thanh T4 là con cậu hai tên Nguyễn Nhựt T5, ông Nguyễn Văn K là con cậu ba tên Nguyễn Văn C2, lúc này ông T5 và ông C2 đã chết). Sau khi ông C ký ông mới mang tờ thỏa thuận đến nhà ông Nguyễn Văn U để nhờ ông U, bà T4, ông K, ông Viết B1 và Đặng Thanh T1 cùng ký tên.

Tờ thỏa thuận được lập thành 02 bản, ông giữ 01 bản, ông C giữ 01 bản. nội dung thỏa thuận như sau: vào năm 1989 đôi bên đã đồng ý trao đổi quyền sử dụng đất và ông C yêu cầu anh em ông (vì mẹ ông đã chết) phải bồi thường phần đất bị lở bờ hầm giáp với phần đất của ông C thì sẽ giao cho anh ông là ông Đặng Thanh V diện tích đất 10m chiều ngang cấp bờ mương, giáp tỉnh lộ 954 (kèm theo Tờ thỏa thuận).

Sau khi ký Tờ thỏa thuận ngày 26/10/2016, thì trong ngày ông C chỉ cho xuống trụ ranh đối với diện tích đất ngang 10m tiếp giáp tỉnh lộ 954, T1 thuê ông Nguyễn Văn P Anh đào đất xuống trụ ranh.

Sau khi xuống trụ đá một vài hôm sau trụ đá bị người khác nhỏ, ông không biết là ai và giá bồi thường phần đất hầm bị lở ông C lại không đồng ý. Con ông C là Nguyễn Chí H và Nguyễn Chí D mới thỏa thuận lại việc lấp phần đất hầm, cuối cùng hai bên thống nhất là ông bơm cát lấp phần hầm bị lở của ông C. Mấy ngày sau, T1 thuê người bán cát là ông Lê Văn P1, khi ông P1 đến bơm cát thì bên ông C không phản đối, vẫn để cho bơm lấp đầy phần hầm bị lở.

Bơm cát xong, ông tiến hành kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ngang 10m giáp tỉnh lộ 954 (đất đang tranh chấp) nhưng con ông C là Nguyễn Chí H ngăn cản nên không thực hiện thủ tục cấp giấy được. Sau này ông T1 lại tiếp tục xin cấp giấy nhưng lại tiếp tục bị bên ông C ngăn cản.

Do, ông là con lớn trong gia đình, sau khi mẹ mất thì ông đại diện đứng ra thỏa thuận với ông C về việc bồi thường phần đất hầm. Ông T1 là em út trong nhà, khi mẹ mất thì ông ủy quyền cho em ông sử dụng đất của mẹ để lại trong đó có đất nền nhà và phần đất cấp mương nước giáp với lộ 954. Đất đã được hoán đổi nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 13/8/2024 Đặng Thanh T1 có đơn phản tố yêu cầu Tòa án công nhận cho T1 được sử dụng diện tích đất 90,2m² tại các điểm 9, 10, 16, 12 theo bản trích đo hiện trạng khu đất do văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện P lập ngày 28/6/2024 (là diện tích đất đang tranh chấp trong vụ án này). Ông đồng ý với yêu cầu phản tố của Đặng Thanh T1.

+ **Ông Đặng Thanh H1 trình bày:** Ông thống nhất với lời khai của anh ông là Đặng Thanh V, ông không có bổ sung thêm. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không đồng ý, ông đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Đặng Thanh T6.

+ **Ông Hồ Thanh T2 trình bày:** Ông là em vợ của ông Đặng Thanh T1. Vào khoảng năm 2001-2002, do không có chỗ cất nhà sinh sống nên ông có hỏi bác sui là bà Nguyễn Thị C1 cho ông được cất nhà trên diện tích đất trước cửa nhà bà C1, giáp nương nước và cặp đường lộ 954 (là diện tích đất hiện nay ông Nguyễn Chí D đang tranh chấp với ông Đặng Thanh T1). Lý do ông hỏi bà C1 vì ông có nghe bà C1 nói đất đó của bà, do bà hoán đổi với ông Nguyễn Chí C. Bà C1 đồng ý cho ông cất nhà trên đất.

Lúc này trên đất có mấy cây Bạch Đàn, cây Dừa, ông đốn hết số cây Bạch Đàn để cất nhà, còn cây D1 nằm cặp đất ông C nên ông không đốn. Ông mua trụ nóng đá, xây tường bó nền, cất nhà nền ván, vách thiếc, mái thiếc ngang 5m. Khi ông cất nhà ông C nhìn thấy nhưng không phản đối. Có mấy lần vợ chồng ông C có xuống nhà ông, vợ chồng ông C cũng không có nói gì đến việc ông cất nhà trên diện tích đất đó cả.

Ông sống trong căn nhà đó đến năm 2009 thì được nhà nước cấp cho nền nhà ở tuyến dân cư P nên ông trả đất lại cho bác sui. Trên đất còn lại 16 trụ nóng đá và tường bó nền, ông bán lại cho anh rể là ông Đặng Thanh T1. Việc mua bán đã xong nên không tranh chấp, hiện nay 16 trụ nóng đá và tường bó nền là của ông Đặng Thanh T1, ông không còn liên quan gì đến tài sản trên đất tranh chấp cả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại 9,8m² đất tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí D và ông Nguyễn Chí H. Buộc bị đơn ông Đặng Thanh T1 di dời 01 cây Sứ; 03 bụi chuối; 01 hàng rào lưới B40 dài 4, 9m x cao 1,5 m; 03 trụ bê tông và 01 trụ đá ra khỏi đất để trả cho Nguyễn Chí D và Nguyễn Chí H diện tích 19,2m² thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 43 tại các điểm A, 10, 16, B theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 22/10/2024.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh V và ông Hồ Thanh T2 di dời vật kiến trúc và cây trồng (bao gồm: 03 cây Sứ; 07 bụi Chuối; 01 tường xây bó nền dài 5m x rộng 1,5m x cao 03m; 16 trụ nóng đá cao 4m) trả lại diện tích đất

71m² thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 43 tại các điểm 9, A, B, 12 theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 22/10/2024.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đặng Thanh T1 về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 71m² thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 43 tại các điểm 9, A, B, 12 theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 22/10/2024.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đặng Thanh T1 về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 19,2m² thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 43 tại các điểm A, 10, 16, B theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 22/10/2024.

Bị đơn có quyền liên hệ cơ quan chuyên môn có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng 71m² thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 43 tại các điểm 9, A, B, 12 theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 22/10/2024.

(có kèm theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh P3 vẽ ngày 22/10/2024)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 24/01/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Chí H, kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo: Yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết buộc ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh V trả lại cho ông H và gia đình quyền sử dụng đất có diện tích 71m², thuộc thửa đất số 295, tờ bản đồ số 43; đất chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang. Đồng thời, buộc phía bị đơn di dời các cây trồng, vật kiến trúc trên phần đất nêu trên.

+ Ngày 04/02/2025, bị đơn ông Đặng Thanh T1, kháng cáo: Yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bị đơn. Ông Đặng Thanh T1 yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang công nhận cho ông được quyền sử dụng diện tích đất 90,2m² tại các điểm 9,10,16,12 theo bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện P lập ngày 28/6/2024. Đất tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang. Đồng thời, ông T1 có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa khi xét xử.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Nguyễn Chí H và ông Trần Minh N thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, chỉ kháng cáo một phần đối với bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã xét xử. Đề nghị, sửa lại án sơ thẩm buộc ông T1, ông V có trách nhiệm trả lại phần diện tích 35 m² và phần diện tích 19,2 m² do Tòa án nhân dân huyện Phú Tân chấp nhận yêu cầu khởi kiện giao cho gia đình ông H, tổng

cộng là diện tích 54,2 m². Đồng ý giao cho phía bị đơn được quản lý, sử dụng diện tích chiều ngang là 10 m² theo thỏa thuận nhưng theo chiều sâu vào là 3,6 m² và phía ông T1, ông V có trách nhiệm di dời các cây trồng, trụ đá khỏi diện tích đất 54,2m² trả lại diện tích đất này cho ông H, ông D.

+ Luật sư Võ Tấn T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đưa ra các quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông H, ông D. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm giao trả lại diện tích đất 54,2m² để phía gia đình nguyên đơn được thực hiện quyền kê khai đăng ký đối với diện tích đất 54,2m². Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý giao diện tích đất mặt tiền tiếp giáp Tỉnh lộ 954, ngang 10m và chiều sâu vào là 3,6m, tổng cộng diện tích đất đồng ý giao cho bị đơn là 36 m²

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Chí H, ông Đặng Thanh T1. Tuy nhiên đối với phần tuyên của bản án dân sự sơ thẩm chưa rõ ràng cần sửa về cách tuyên theo quy định đối với Bản án số 19/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Chí H và ông Đặng Thanh T1 làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn ông Đặng Thanh T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh V, ông Đặng Thanh H1, ông Hồ Thanh T2 có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án

[1.3] Về quan hệ tranh chấp cấp sơ thẩm xác định tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là chưa chính xác, đối với việc công nhận quyền sử dụng đất là thẩm quyền của cơ quan quản lý hành chính nhà nước về đất đai công nhận quyền sử dụng đất cho ai theo quy định tại khoản 9 Điều 13 của Luật

đất đai nên cấp phúc thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Chí H và ông Đặng Thanh T1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Phần diện tích đất 90,2m² thuộc thửa đất số 295, tờ bản đồ 43, đất tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, các đương sự đều thống nhất nguồn gốc đất của cụ Nguyễn Văn T3 và cụ Châu Thị X cho ông Nguyễn Chí C. Đến năm 1987, ông C và bà Nguyễn Thị C1 là anh em ruột tự thỏa thuận hoán đổi đất cho nhau.

[2.2] Vào năm 2016, sau khi các bên thống nhất hoán đổi đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì giữa hai bên có phát sinh tranh chấp và được hòa giải ngày 21/3/2016 thể hiện nội dung các bên thỏa thuận đối với phần đất của ông C bị sạt lở phía con bà C1 là ông Đặng Thanh V bồi thường xong ông C đồng ý điều chỉnh ranh đất và thỏa thuận đối với phần đất trước nhà hiện nay các đương sự đang tranh chấp tại Tờ thỏa thuận ngày 26/10/2016, ông C giao phần đất chiều ngang 10m cho ông V “...*phần đất giáp đường cấp tỉnh lộ 954 với chiều ngang là 10m*”.

[2.3] Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất có sự hoán đổi đất giữa ông C và bà C1 nên cấp sơ thẩm xem xét có sự việc nhưng hiện nay đối với hiện trạng khu đất được phía ông C và bà C1 thống nhất chỉ giao chiều ngang 10m nhưng hàng rào của ông T1 là 12,97m chiều ngang. Trên hiện trạng khu đất vẫn còn phần bó nền, các trụ móng đá phần còn lại sau khi ông T2 tháo dỡ nhà và ông T2 cũng xác nhận ông cất nhà có trên phần đất hồi nhà của bà C1 và vợ chồng ông C khi còn sống không có tranh chấp. Người làm chứng ông Trần Vũ L xác định trước khi dịch Covid 19 nhà nước có làm lại đường 954, lúc này còn trụ đá của ông C và bà C1. Nhưng do làm đường nên mất trụ ranh, T1 mới cắm lại trụ ranh đất. Vị trí T1 cắm sau này đã lệch qua phần đất của ông C so với trụ ranh ban đầu.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H yêu cầu công nhận sự tự nguyện theo nội dung Tờ thỏa thuận ngày 26/10/2016, đồng ý giao diện tích ngang 10m, chiều sâu vào là 3,6m, tổng cộng diện tích 36m² cho phía bị đơn được quản lý, sử dụng. Đối với diện tích 54,2 m² yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện giao lại cho gia đình nguyên đơn được quản lý, sử dụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy nội dung thỏa thuận ông C đồng ý giao phần diện tích đất cho gia đình ông T1, ông V là có thật và phù hợp với các chứng cứ do đương sự cung cấp. Nội dung ông H cho rằng đồng ý tự nguyện giao cho gia đình bị đơn chiều ngang tiếp giáp mặt đường là 10m, chiều sâu vào 3,6m nhưng không có văn bản, tài liệu, chứng cứ nào xác định ông C giao đất cho gia đình bị đơn chiều sâu chỉ có 3,6m nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét công nhận theo yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Từ những tài liệu, chứng cứ thể hiện và tại Công văn số 10/UBND-TNMT ngày 03/01/2025 của Ủy ban nhân dân huyện P có nội dung: Căn cứ

Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2023 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện P thì phần diện tích 90,2m² thuộc thửa 29, tờ bản đồ 43 nằm trong khu vực quy hoạch đất ở tại đô thị, đất giao thông và thuộc trường hợp được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai khi vụ việc được giải quyết bằng Bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và được thi hành nên cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông T1 là phù hợp theo quy định.

Tuy nhiên, cấp sơ thẩm án chưa rõ sẽ không đảm bảo thực hiện được trong giai đoạn thi hành án nên cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là phù hợp theo quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H và ông T1.

Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật

[5] Về án phí phúc thẩm: Do, yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, ông T1 phải nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Chí H và bị đơn ông Đặng Thanh T1

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang về cách tuyên

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 244; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26; khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại 9,8m² đất tọa lạc tại thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí D và ông Nguyễn Chí H đối với ông Đặng Thanh T1, ông Đặng Thanh V và ông Hồ Thanh T2 di dời vật kiến trúc và cây trồng (bao gồm: 03 cây Sứ; 07 bụi Chuối; 01 tường xây bó nền dài 5m x rộng 1,5m x cao 03m; 16 trụ nổng đá cao 4m) trả lại diện tích đất 71m², tại các điểm 9, A, B, 12 theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 22/10/2024.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí D và ông Nguyễn Chí H đối với ông Đặng Thanh T1 về việc buộc di dời vật kiến trúc và cây trồng trên diện tích đất 19,2m²

3.1. Ông Nguyễn Chí D và ông Nguyễn Chí H được quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 19,2m² thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 43 tại các điểm A, 10, 16, B theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 22/10/2024. Vị trí đất tọa lạc tại khóm T, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

3.2. Buộc ông Đặng Thanh T1 có trách nhiệm di dời 01 cây Sứ; 03 bụi chuối; 01 hàng rào lưới B40 dài 4,9m x cao 1,5m; 03 trụ bê tông và 01 trụ đá ra khỏi diện tích 19,2m² thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 43 để trả lại diện tích đất cho ông Nguyễn Chí D và ông Nguyễn Chí H diện tích đất 19,2m² tại các điểm A, 10, 16, B theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 22/10/2024.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đặng Thanh T1 đối với diện tích 19,2m² thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 43 tại các điểm A, 10, 16, B theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 22/10/2024.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đặng Thanh T1

Ông Đặng Thanh T1 được tiếp tục, quản lý, sử dụng đối với diện tích đất 71m² thuộc thửa 295, tờ bản đồ số 43 tại các điểm 9, A, B, 12 theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 22/10/2024.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

(Đính kèm Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh P3 vẽ ngày 22/10/2024)

6. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải nộp 601.000 đồng và bị đơn phải nộp 2.222.000 đồng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá nhưng nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 2.823.000 đồng nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.222.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng.

7. Về án phí:

7.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp 750.000 đồng theo biên lai số 00065271 ngày 09/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Sau khi khấu trừ nguyên đơn được nhận số tiền còn lại 450.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007125 ngày 15/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân

7.2. Về án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Chí H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0011812 ngày 10/02/2025 tại Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

Ông Đặng Thanh T1 phải nộp 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0011785 ngày 01/02/2025 tại Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Phú Tân;
- Chi cục THA-DS huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Dương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Ngọc Thúy